

Số: /SKHCN-KHTC
V/v mời chào giá và nộp hồ sơ năng lực
thực hiện gói thầu Khảo sát địa hình
(gói số 2) Lập Quy hoạch phân khu xây
dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ
thông tin tập trung Long Thành

Đồng Nai, ngày tháng năm 2025

Kính gửi: Các Doanh nghiệp thuộc lĩnh Tư vấn xây dựng

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật số 90/2025/QH15 ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Văn bản số 3991/UBND-KTN ngày 11/4/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc xử lý tổ chức lập quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghệ thông tin tập trung Long Thành;

Căn cứ Quyết định số 166/QĐ-SoKHCN ngày 12/5/2025 của Sở Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ khảo sát địa hình phục vụ lập quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu Công nghệ Thông tin tập trung Long Thành (Khu công nghệ số);

Căn cứ Quyết định số 217/QĐ-SKHCN ngày 02/6/2025 về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành;

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai kính mời Quý Doanh nghiệp nộp hồ sơ năng lực, kinh nghiệm và báo giá để xem xét lựa chọn thực hiện gói thầu theo các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Gói thầu số 2 (tư vấn) Khảo sát địa hình.

2. Giá trị gói thầu: 248.056.888 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi tám đồng*). Đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định.

3. Thời gian thực hiện gói thầu: tối đa 30 ngày.

(*Đề cương nhiệm vụ khảo sát địa hình theo phụ lục đính kèm*)

4. Yêu cầu hồ sơ: Hồ sơ năng lực thể hiện pháp lý, kinh nghiệm, nhân sự đáp ứng yêu cầu gói thầu; Báo giá chi tiết phù hợp với nội dung công việc và các hợp đồng thực hiện gói thầu tương tự.

Thời hạn nộp hồ sơ: Trước 16h00, ngày 26 tháng 11 năm 2025.

Địa điểm nộp hồ sơ: Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đồng Nai. Địa chỉ: Số 1597, đường Phạm Văn Thuận, phường Trảng Biên, tỉnh Đồng Nai.

Đầu mối liên hệ: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc - Điện thoại: 0936.399499.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Phòng CDS;
- Lưu: VT, KHTC, ngọc.

GIÁM ĐỐC

Phạm Văn Trinh

Phụ lục
ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH
(Đính kèm theo Văn bản số...../SKHCN-KHTC ngày...../...../2025
của Sở Khoa học và Công nghệ)

I. Giới thiệu chung

1. Tên dự án: Lập Quy hoạch Phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu Công nghệ Thông tin tập trung Long Thành (Khu công nghệ số).

2. Địa điểm: huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

3. Cơ quan Chủ đầu tư: Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai.

4. Cơ quan lập đề cương nhiệm vụ khảo sát: Sở Khoa học và Công nghệ Đồng Nai.

5. Mục đích khảo sát xây dựng.

Khảo sát lập bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 nhằm cung cấp thông tin, tài liệu về địa hình dáng đất, địa vật, thủy văn, các công trình hiện trạng trên khu vực dự án, phục vụ công tác lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu Công nghệ Thông tin tập trung Long Thành (Khu công nghệ số).

6. Phạm vi khảo sát

a. Vị trí: Khu đất dự kiến lập Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu Công nghệ Thông tin tập trung Long Thành (Khu công nghệ số) có vị trí thuộc địa phận 2 xã: xã An Phước, xã Long Đức - huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai. Ranh giới khu đất dự án được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp: đất dân cư hiện hữu, đất quốc phòng (xã An Phước).
- Phía Nam giáp: đường điện cao thế, đất cao su và đất dân cư hiện hữu.
- Phía Tây giáp: đường song hành Cao tốc Biên Hòa Vũng Tàu.
- Phía Đông giáp: đất dân cư hiện hữu.
- Khoảng toạ độ địa lý của công trình được giới hạn như sau:
 + 10°49'12" đến 10°49'44" vĩ độ Bắc.
 + 106°56'52" đến 106°57'52" kinh độ Đông.

b. Quy mô, tỷ lệ khảo sát:

Tổng diện tích đất: 117,31 ha.

Tỷ lệ khảo sát 1/2.000; khoảng cao đều đường đồng mức 1 m.



Sơ đồ vị trí: Khu Công nghệ thông tin tập trung Long Thành

7. Yêu cầu về việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về khảo sát.

- Luật Xây dựng năm 2014 số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014.
- Luật Đo đạc Bản đồ số 27/2018/QH14 đã được Quốc Hội khóa XIV, kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2018.
- Nghị định số 27/2019/ND-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ.
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức Xây dựng.
- Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất

lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

- Thông tư số 19/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 24/2018/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2018 quy định về kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu chất lượng sản phẩm đo đạc và bản đồ.

- QCVN 72:2023/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000.

- QCVN 11:2008/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lưới độ cao” do Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành theo Quyết định số 11/2008/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 12 năm 2008.

- QCVN 04:2009/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới tọa độ” ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2009.

- TCXDVN 9401:2012: Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.

- TCVN 9398:2012 Công tác trắc địa trong xây dựng công trình – Yêu cầu chung.

- Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1.000, 1:2.000, 1:5.000.

- Tiêu chuẩn ngành: 96 TCN 42-90 - Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500; 1/1.000; 1/2.000; 1/5.000, 1/10.000 và 1/25.000 (phần trong nhà) - kèm theo Quyết định số: 247/KT ngày 09 tháng 8 năm 1990 của Cục trưởng Cục Đo đạc & Bản đồ Nhà nước.

- Tiêu chuẩn ngành: 96 TCN 43-90 - Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500; 1/1.000; 1/2.000; 1/5.000 (phần ngoài trời) - kèm theo Quyết định số: 248/KT ngày 09 tháng 8 năm 1990 của Cục trưởng Cục Đo đạc & Bản đồ Nhà nước.

Các tài liệu khảo sát khác phục vụ thiết kế có liên quan.

8. Sơ bộ khối lượng các loại công tác khảo sát xây dựng, dự toán khảo sát xây dựng.

a. Khối lượng công tác.

Khối lượng chính của công tác khảo sát gồm các nội dung sau:

STT	Tên công việc	ĐV Tính	Khối lượng
1	Đo lưới khống chế mặt bằng, Đường chuyền hạng 4, Bộ thiết bị GPS (3 máy). Cấp địa hình III.	điểm	2
3	Đo lưới khống chế mặt bằng, Đường chuyền cấp 2, Bộ thiết bị GPS (3 máy). Cấp địa hình III.	điểm	10

4	Đo không chế độ cao, Thủy chuẩn hạng 4, Cấp địa hình III.	km	5
5	Đo không chế độ cao, Thủy chuẩn kỹ thuật, Cấp địa hình III.	km	3
6	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng thiết bị đo toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử, Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, Đường đồng mức 1m, Cấp địa hình III.	100 ha	1,1731

Khối lượng các hạng mục nêu trong đề cương này được tính toán trên cơ sở Quy trình khảo sát thiết kế hiện hành và quá trình thi sát hiện trường.

(Đối với hạng mục cắm mốc ranh giới quy hoạch, chỉ giới đường đỏ các tuyến đường, do đồ án Quy hoạch chưa được phê duyệt, chưa có Trích lục ranh giới dự án nên chưa có căn cứ lập và phê duyệt dự toán. Ngay sau khi Đồ án Quy hoạch được phê duyệt, chủ đầu tư sẽ lập hồ sơ cắm mốc, dự toán kinh phí cắm mốc và thực hiện cắm mốc giới theo đồ án quy hoạch đã được duyệt. Hồ sơ cắm mốc giới và quản lý mốc giới thực hiện theo Thông tư 10/2016/TT-BXD).

b. Dự toán chi phí cho công tác khảo sát xây dựng:

Tổng giá trị dự toán: 248.056.888 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu không trăm năm mươi sáu nghìn tám trăm tám mươi tám đồng).

c. Hồ sơ giao nộp

Thuyết minh + bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2.000: (07 bộ + File) và các văn bản tài liệu khác liên quan.

d. Thời gian thực hiện khảo sát xây dựng.

Thời gian thực hiện toàn bộ công tác khảo sát địa hình tỷ lệ 1/2.000 phục vụ lập Quy hoạch phân khu xây dựng 1/2.000 Khu Công nghệ Thông tin tập trung Long Thành (Khu công nghệ số) là 20 ngày. Trong đó đo vẽ ngoại nghiệp là 15 ngày, biên tập nội nghiệp 5 ngày.

Trong quá trình thi công các hạng mục công việc được tiến hành theo hình thức cuốn chiếu, sản phẩm giao nộp theo từng đợt.